

Bản án số: 383/2024/HC-PT

Ngày: 25-9-2024

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**
- **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** ông Lê Tự.
- **Các Thẩm phán:** ông Nguyễn Tấn Long và bà Trần Thị Kim Liên.
- **Thư ký phiên tòa:** ông Phạm Minh Hoàng, Thư ký Tòa án.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** bà Bùi Ngô Ý Nhi – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, mở phiên tòa trực tuyến xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 194/2024/TLPT-HC ngày 22 tháng 7 năm 2024 về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 80/2024/HC-ST ngày 21 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Giữa các đương sự:

- **Người khởi kiện:** ông Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1957; địa chỉ: **Tổ dân phố H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.**

Người đại diện theo uỷ quyền của ông L: ông Lê Thanh T; địa chỉ: **Thôn H, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.**

- **Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân thành phố B.

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Lê Đại T1 – Phó Chủ tịch.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp: ông Phạm Văn N – Trưởng phòng kỹ thuật, giải phóng mặt bằng Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Hoàng Thị Đ**, sinh năm 1962.
2. Ông **Nguyễn Chí P**, sinh năm 1981.
3. Bà **Nguyễn Thị Hồng H**, sinh năm 1988.

Cùng địa chỉ: **tổ dân phố H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.**

*** Người kháng cáo: UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện trình bày:*

Gia đình ông **Nguyễn Ngọc L** sử dụng thửa đất số 98, tờ bản đồ số 27, diện tích thu hồi: 1.416,6 m² tại **phường T**, có nguồn gốc: **Công ty TNHH MTV C** ký kết Hợp đồng giao khoán số 50Đ1/2012/HĐ ngày 12/6/2012, thời hạn Hợp đồng từ ngày 12/6/2012 đến ngày 31/12/2020. Hiện nay, Nhà nước thu hồi thửa đất nêu trên của ông **L** để thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật khu đất tại đường 30 tháng 4, **Tổ dân phố D, phường T**, và được **UBND thành phố B** phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ tại Quyết định số 10348/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 (đợt 3). **UBND thành phố B** mới chỉ phê duyệt hỗ trợ khác với diện tích là 523,3 m²/ tổng diện tích 1.416,6m² là không đúng. Vì tổng diện tích các công trình nhà, vật kiến trúc không tính hỗ trợ khác là: 272,72 m² là đúng quy định. Diện tích thực tế hỗ trợ khác phải là 1.143,88 m² (đây là diện tích trồng cây được thể hiện tại mục d. cây cối hoa màu tại trang 27 đã trừ diện tích xây dựng nhà ở, vật kiến trúc là 272,72 m²), không phải diện tích 523,3 m² như theo Phương án đã phê duyệt.

UBND thành phố B cho rằng có một phần diện tích không có trong Hợp đồng giao khoán là không đúng, bởi lẽ việc giao khoán đất từ **Công ty C** và ông **Nguyễn Ngọc L** sử dụng theo hệ thống bản đồ đo đạc cũ, có nhiều sai số, sau khi đo đạc lại năm 2019 thì xác định diện tích đo đạc thực tế là 1.416,6 m², diện tích này có ranh giới ổn định, ông **Nguyễn Ngọc L** liên tục sử dụng ổn định từ khi giao khoán đất năm 2012 cho đến nay, không có tranh chấp, lấn chiếm. **Công ty C** cũng không có ý kiến gì về vấn đề sử dụng đất này nên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì phải hỗ trợ theo diện tích thực tế sử dụng.

Hộ gia đình ông **Nguyễn Ngọc L** có Hợp đồng nhận khoán với **Công ty TNHH MTV C**, trực tiếp sản xuất nông nghiệp, có nguồn thu nhập thường xuyên từ sản xuất nông nghiệp nên đủ điều kiện để được Hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm

kiểm việc làm theo quy định tại Điều 18, Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk. Tuy nhiên UBND thành phố B không hỗ trợ nội dung này là thiếu sót. Vì vậy, ông Nguyễn Ngọc L khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết:

- Hủy một phần Quyết định số 10348/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của UBND thành phố B về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật khu đất tại đường 30 tháng 4, tổ dân phố D, phường T (đợt C).

- Buộc UBND thành phố B phải phê duyệt hỗ trợ khác đối với diện tích 1.143,88 m² (sau khi đã trừ đi diện tích tài sản, vật kiến trúc); hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định.

** Theo bản tự khai người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày:*

- Về nguồn gốc sử dụng đất: hộ gia đình ông Nguyễn Ngọc L đang sử dụng thửa đất số 98, tờ bản đồ dự án số 27, diện tích 5.981,7 m². Trong đó: Diện tích 4.960 m² (Công ty TNHH MTV C ký hợp đồng nhận khoán đất sản xuất cà phê với ông Nguyễn Ngọc L tại Hợp đồng số 50Đ1/2012/HĐ ngày 12/06/2012); diện tích 621,6 m² không có hợp đồng giao khoán; Diện tích 400,1m² thuộc một phần Hợp đồng số 18/HĐ-GK ngày 15/8/2013. Công ty TNHH MTV C ký hợp đồng giao khoán với ông Nguyễn Q, nhưng thực tế ông Nguyễn Ngọc L đang sử dụng diện tích này từ trước đến nay (xác định tại biên bản làm việc ngày 13/9/2022). Nhà cửa, vật kiến trúc, cây trồng đã lập phương án bồi thường, hỗ trợ cho ông Nguyễn Ngọc L. Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk lập phương án bồi thường, hỗ trợ đã được UBND thành phố B phê duyệt 02 đợt tại 02 quyết định như sau:

Đợt 1 tại Quyết định số 283/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 (được điều chỉnh tại Quyết định số 4652/QĐ-UBND ngày 10/08/2023), với diện thu hồi là 4.565,1 m², ông Nguyễn Ngọc L không có ý kiến khởi kiện về quyết định này; Đợt 3 tại Quyết định số 10348/QĐ-UBND ngày 21/12/2022, với diện tích thu hồi là 1.416,6m². Hiện nay, hộ ông Nguyễn Ngọc L đang khởi kiện một số nội dung liên quan đến quyết định này, Ủy ban nhân dân thành phố B trả lời như sau:

** Đối với nội dung khởi kiện của hộ ông Nguyễn Ngọc L đề nghị hỗ trợ khác đối với diện tích 1.143,8 m² (sau khi đã trừ đi diện tích xây dựng).*

Tổng diện tích thu hồi đợt 3 là 1.416,6 m² (diện tích xây dựng là 272,7 m², diện tích cây trồng là 1.143,8 m²), trong đó: Diện tích 523,3 m² đã được xem xét hỗ trợ khác (lý do thuộc Hợp đồng số 50Đ1/2012/HĐ ngày 12/06/2012). Còn lại 893,3 m² không được xem xét hỗ trợ (lý do không có hợp đồng). Vì vậy, ông Nguyễn

Ngọc L đề nghị hỗ trợ khác diện tích 1.143,8 m² là không có cơ sở xem xét giải quyết.

* Đối với nội dung khởi kiện hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:

Ông Nguyễn Ngọc L đã được xem xét hỗ trợ khác tại khoản 3 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk đối với phần diện tích 523,3 m², do đó không được xem xét hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm tại Điều 18 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND. Nội dung này UBND tỉnh Đắk Lắk đã có ý kiến gửi Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tại Công văn số 6207/UBND-NNMT ngày 21/7/2023 có nội dung đã hỗ trợ theo khoản 3, Điều 20 thì không hỗ trợ Điều 18 và ngược lại.

Do đó, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xem xét bác toàn bộ đơn khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc L.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 80/2024/HC-ST ngày 21 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ Điều 30; Điều 32; Điều 115; Điều 143; Điều 116; Điều 165; điểm b khoản 2 Điều 193 và Điều 206 của Luật Tố tụng hành chính;

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 83, Điều 84 Luật Đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 12, Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều, khoản của Luật Đất đai về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; khoản 5, 6 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; khoản 1 Điều 18; khoản 3 Điều 20 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk;

Áp dụng khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc L.

1.1 Hủy một phần Quyết định số 10348/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của UBND thành phố B về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Hạ tầng kỹ thuật khu đất tại đường 30 tháng 4, Tổ dân phố D, phường T, thành phố B (đợt 3), phần nội dung hỗ trợ khác đối với hộ ông Nguyễn Ngọc L.

1.2 Buộc UBND thành phố B phải ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất cho hộ ông Nguyễn Ngọc L về nội dung:

hỗ trợ khác; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/6/2024, UBND thành phố B kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị chấp nhận hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với diện tích đất 1.143,88m² cho hộ ông Nguyễn Ngọc L, không áp dụng hỗ trợ khác.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Người kháng cáo UBND thành phố Buôn Ma T2 có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

Toà án cấp sơ thẩm căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND buộc UBND thành phố B phải hỗ trợ khác là không đúng, vì khoản 2 Điều 3 Quyết định số 05/2024/QĐ-UBND ngày 23/01/2024 của UBND tỉnh Đắk Lắk đã bãi bỏ khoản 3 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND; do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của UBND thành phố B, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với diện tích đất 1.143,88m² cho hộ ông Nguyễn Ngọc L, không chấp nhận áp dụng hỗ trợ khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về yêu cầu hỗ trợ theo diện tích thực tế sử dụng và bị thu hồi:

Ngày 12/6/2012 ông Nguyễn Ngọc L ký Hợp đồng giao khoán với Công ty TNHH MTV C với diện tích 4.960m². Tại trích lục mảnh trích đo địa chính ngày 24/10/2020 thể hiện diện tích đo đạc theo hiện trạng toàn bộ thửa đất ông L đang sử dụng là 5.981,7m². Tháng 01 năm 2022, UBND thành phố đã thu hồi của ông Nguyễn Ngọc L 4.565,1 m². Đến tháng 12 năm 2022, UBND thành phố tiếp tục thu hồi của ông Nguyễn Ngọc L diện tích còn lại là 1.416,6m².

[2] Tại Biên bản xác minh diện tích tăng giảm khi Nhà nước thu hồi đất, Biên bản điều tra tổng diện tích đất sử dụng của hộ gia đình, Biên bản xác minh hộ gia đình sản xuất đất nông nghiệp, Biên bản kiểm đếm thể hiện tổng diện tích thu hồi là 5.981,7m², trong đó có 4.960m² có trong Hợp đồng giao khoán, phần diện tích 1.357,2m² không có trong Hợp đồng nhưng ông Nguyễn Ngọc L là người quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích bị thu hồi, không có tranh chấp với ai khác. Biên bản kiểm kê tài sản thể hiện bao quanh thửa đất ông L sử dụng là hàng rào chèn tàu.

Như vậy có cơ sở xác định diện tích ghi nhận trong hợp đồng giao khoán không đúng thực tế.

[3] Tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất quy định: *Nếu diện tích đo đạc thực tế nhiều hơn diện tích ghi trên giấy tờ về quyền sử dụng đất do việc đo đạc trước đây thiếu chính xác hoặc do khi kê khai đăng ký trước đây người sử dụng đất không kê khai hết diện tích nhưng toàn bộ ranh giới thửa đất đã được xác định là không thay đổi, không có tranh chấp với những người sử dụng đất liền kề, không do lấn, chiếm thì bồi thường theo diện tích đo đạc thực tế.*

[4] Tổng diện tích thu hồi đợt 3 là 1.416,6 m²; trong đó: diện tích xây dựng là 272,72 m², người khởi kiện không yêu cầu hỗ trợ đối với diện tích đất này. Diện tích còn lại sử dụng để trồng cây cối, hoa màu là 1.143,88 m² nhưng UBND thành phố chỉ xem xét hỗ trợ với diện tích 523,3m², còn lại 620,58m² không được xem xét hỗ trợ với lý do không có hợp đồng giao khoán là ảnh hưởng quyền lợi người sử dụng đất. Do đó, theo qui định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, **UBND thành phố B** cần xem xét hỗ trợ cho ông **Nguyễn Ngọc L** theo diện tích thực tế là 1.143,88 m².

[5] Về yêu cầu hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:

Ông **Nguyễn Ngọc L** là người ký hợp đồng nhận khoán với **Công ty TNHH MTV C**. Tại biên bản xác minh thực trạng lao động, nghề nghiệp và biên bản xác minh hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp thì hộ ông **L** gồm có 04 người làm nông, trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ); Điều 18 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của **UBND tỉnh Đắk Lắk** thì hộ gia đình ông **L** được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

[6] Mặc dù Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND của **UBND tỉnh Đắk Lắk** không quy định rõ đối với trường hợp đã được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm thì không được hỗ trợ khác và ngược lại nhưng Điều 25 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định: *“Ngoài việc hỗ trợ quy định tại các Điều 19, 20, 21, 22, 23 và 24 của Nghị định này, căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định biện pháp hỗ trợ khác để bảo đảm có chỗ ở, ổn định đời sống, sản xuất và công bằng đối với người có đất thu hồi... ”*. Như vậy, đối với trường hợp đã được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm thì không đương nhiên cũng được hỗ

trợ khác mà phụ thuộc vào tình hình thực tế tại địa phương và quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Tại Công văn số 6207/UBND-NNMT ngày 21/7/2023 của **UBND tỉnh Đắk Lắk** có nội dung: “*Trường hợp đã hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo mức hỗ trợ tại Điều 18 thì không được hỗ trợ khác theo khoản 3, Điều 20 và ngược lại*”.

[7] Tại khoản 2 Điều 3 Quyết định số 05/2024/QĐ-UBND ngày 23/01/2024 của **UBND tỉnh Đắk Lắk** đã bãi bỏ khoản 3 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của **UBND tỉnh Đắk Lắk**.

[8] Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông **Nguyễn Ngọc L**, buộc **UBND thành phố B** phải hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là đúng. Tuy nhiên, ngoài hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, Tòa án cấp sơ thẩm còn chấp nhận yêu cầu của ông **Nguyễn Ngọc L**, buộc **UBND thành phố B** phải hỗ trợ khác theo qui định tại khoản 3 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND của **UBND tỉnh Đắk Lắk** là không đúng các qui định trên.

[9] Tại đơn kháng cáo ngày 10/6/2024, **UBND thành phố B** chấp nhận hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với diện tích đất 1.143,88m² cho hộ ông **Nguyễn Ngọc L**, không áp dụng hỗ trợ khác theo qui định tại khoản 3 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND của **UBND tỉnh Đắk Lắk**.

[10] Vì vậy, Hội đồng xét xử xét chấp nhận kháng cáo của **UBND thành phố B**, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông **Nguyễn Ngọc L**, hủy một phần Quyết định số 10348/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 về phần nội dung hỗ trợ liên quan đến hộ ông **Nguyễn Ngọc L** để **UBND thành phố B** hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với diện tích thực tế sử dụng và bị thu hồi là 1.143,88 m² (đã trừ đi diện tích xây dựng nhà ở, công trình, vật kiến trúc) theo đúng quy định của pháp luật; không chấp nhận yêu cầu của ông **Nguyễn Ngọc L** về hỗ trợ khác.

[11] **UBND thành phố B** không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính;

Chấp nhận kháng cáo của **UBND thành phố B**;

Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 80/2024/HC-ST ngày 21 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 83, Điều 84 Luật Đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 12, Điều 20, Điều 25 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; khoản 5, 6 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Điều 18 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk; khoản 2 Điều 3 Quyết định số 05/2024/QĐ-UBND ngày 23/01/2024 của UBND tỉnh Đắk Lắk;

Áp dụng khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc L:

1.1 Hủy một phần Quyết định số 10348/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của UBND thành phố B về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Hạ tầng kỹ thuật khu đất tại đường 30 tháng 4, tổ dân phố D, phường T, thành phố B (đợt 3), phần nội dung hỗ trợ đối với hộ ông Nguyễn Ngọc L.

1.2 Buộc UBND thành phố B phải ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đối với hộ ông Nguyễn Ngọc L về nội dung hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với diện tích đất thu hồi 1.143,88m² cho hộ ông Nguyễn Ngọc L theo đúng quy định của pháp luật.

2. Bác yêu cầu của ông Nguyễn Ngọc L về việc đề nghị áp dụng hỗ trợ khác đối với diện tích đất thu hồi 1.143,88m².

3. Án phí hành chính sơ thẩm:

UBND thành phố B phải chịu 300.000 đồng.

4. Án phí hành chính phúc thẩm:

UBND thành phố B không phải chịu; hoàn trả UBND thành phố B 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm tại Biên lai số 0012918 ngày 19/6/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Tự